TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày: 15-7-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Dương Văn Mạo.**

Bà: **Đỗ Thị Láng.**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Ma Thế Thiện** và ông **Hoàng Trọng Hữu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Giàng Văn S, sinh ngày 25/5/1985 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A Ch (đã chết) và bà Thào Thị M; Vợ: Hoàng Thị X; có 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Giàng Văn Q, sinh ngày 03/4/1993 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn T, Xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A Ch và bà Sùng Thị M; Vợ: Ngô Thị S; có 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 17/01/2018, bị Hạt kiểm lâm huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận

chuyển lâm sản trái pháp luật, mua lâm sản trái với các quy định của nhà nước (Quyết định số 0000723/QĐ-XPVPHC), ngày 10/10/2018, bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau (Quyết định số 07/QĐ-XPVPHC) (đã chấp hành xong các quyết định); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Thào Văn T, sinh ngày 06/5/1975 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: xóa mù; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A D và bà Giàng Thị D; Vợ: Vàng Thị M và có 05 con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2019 đến ngày 20/12/2019 thì được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Giàng Văn S:**

Bà Nông Thị Chiên, Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Giàng Văn Q:**

Bà Nguyễn Phương Bằng,Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Thào Văn T:**

Bà Nông Thị Chiên, Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Vườn Quốc gia B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1972, Chức vụ: Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm. Hiện đang công tác tại Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia B; Địa chỉ: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ-VQG ngày 17/12/2019). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.Có mặt.

- Anh Sằm Á D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.Vắng mặt.

- Anh Thào Á Kh, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Anh Vàng Văn P, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Anh Thào Á B, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Anh Thào Văn S, sinh năm 1989 ; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

*** Người phiên dịch:** Ông Hoàng Tiến Th. Nơi cư trú: Thôn Kh, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 40 phút, ngày 21/11/2019 Công an huyện B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có đối tượng đang vận chuyển gỗ nghiến bằng xe mô tô đi theo hướng từ xã C ra xã Kh, huyện B nên đã cử tổ công tác phối hợp với Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia B đến xã Kh, huyện B tiến hành tuần tra, khi đến đoạn cầu treo thuộc thôn B, xã Kh, huyện B thì phát hiện đối tượng có đặc điểm trùng với tin báo, tổ công tác đã yêu cầu đối tượng dừng xe kiểm tra hành chính, đối tượng khai tên Giàng Văn S. Qua kiểm tra, phát hiện và thu giữ 03 túi nilon màu đen, 01 túi bạt, 11 khúc gỗ dạng thớt, 01 xe mô tô biển kiểm soát 97B1-141.21. Tại cơ quan điều tra, Giàng Văn S khai, số gỗ bị cơ quan điều tra thu giữ là gỗ nghiến, về nguồn gốc do S với Giàng Văn Qu, Thào Văn T đi khai thác tại Vườn quốc gia B thuộc thôn N, xã C, huyện B để đem bán kiếm lời, 11 khúc gỗ nghiến S đang vận chuyển lên thành phố C, tỉnh C để bán thì bị phát hiện.

Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của các đối tượng Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T. Kết quả khám xét thu giữ của S 01 xích (lưỡi cưa), 03 khúc gỗ nghiến; thu giữ của Qu 01 bao tải bên trong có 01 lam, 01 ba lô bên trong có 01 máy cưa, 01 lưỡi cưa, 01 thước cuộn; thu giữ của Tu 01 lam, 01 xích (lưỡi cưa). Ngoài ra, Thào Văn S là em của Thào Văn T tự giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 máy cưa, 01 lam, 01 xích (lưỡi cưa) do T để tại nhà S.

Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định được khu vực các bị cáo khai thác gỗ nghiến trái phép là lô h, tiểu khu 59, rừng đặc dụng là rừng tự nhiên Vườn quốc gia B do Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia B quản lý, bảo vệ thuộc nhóm quản lý, bảo vệ rừng thôn N, xã C, huyện B. Tại hiện trường có 02 cây gỗ nghiến bị chặt hạ. Tiến hành đo khối lượng từng cây: Cây số 01 có khối lượng 13,53 m^3; cây số 02 có khối lượng 10,14 m^3. Tổng khối lượng số gỗ bị thiệt hại là 23,67 m^3 (Trong đó số gỗ còn để lại trên rừng là 23,396 m^3 và số gỗ mang ra khỏi rừng là 0,274 m^3).

Các cây gỗ do Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T khai thác là gỗ nghiến nhóm IIA, thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của

Chính phủ *"Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp"*.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 774/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 27/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: 02 cây gỗ nghiến do Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T khai thác có tổng khối lượng 23,67 m^3 trị giá là 231.380.000 đồng (Trong đó số gỗ còn lại tại hiện trường là 23,396 m^3 trị giá 228.585.200 đồng; số gỗ mang ra khỏi rừng là 0,274 m^3 trị giá 2.794.800 đồng, gồm có: số gỗ thu lại được là 0,119 m^3 trị giá 1.213.800 đồng, số gỗ đã đem bán là 0,155 m^3 trị giá 1.581.000 đồng).

Quá trình điều tra các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T khai nhận: Vào khoảng tháng 11/2019, S gặp T tại dọc đường 279 thuộc địa phận xã C, huyện B và nói chuyện về việc đi vào rừng Vườn quốc gia B để khai thác gỗ nghiến đem bán. S và T thống nhất đến tối ngày 17/11/2019 sẽ đi. Đến ngày 17/11/2019 bị cáo S gặp bị cáo Qu tại quán nước của D ở xã C, huyện B qua nói chuyện, S có nói với Qu là đi chặt gỗ nghiến ở rừng Vườn quốc gia B xẻ thành thớt đem bán lấy tiền tiêu sài và Qu xin đi cùng. Để chuẩn bị cho việc vào rừng Vườn quốc gia B khai thác gỗ nghiến, cả ba người thống nhất Qu và T chuẩn bị máy cưa còn S chuẩn bị xăng, nhớt, dao và hẹn đến tối gặp nhau tại khu vực N thuộc thôn N, xã C, huyện B. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S mang theo xăng, nhớt, dao, đèn pin đến đợi ở khu vực N, một lúc sau thì Qu và T đến mỗi người mang theo một đèn pin để soi đường và 01 máy cưa rồi cùng nhau đi vào khu vực rừng ở thôn N, xã C, huyện B thuộc Vườn quốc gia B, cả ba vừa đi vừa tìm gỗ nghiến, khi đi đến khu vực P thì thấy có 02 cây gỗ nghiến có thể xẻ thành thớt, lúc đầu cả ba người định chặt hạ cây to hơn trước nhưng do sợ cây nghiến to, chặt đổ xuống sẽ gây tiếng động lớn sẽ bị phát hiện nên cả ba thống nhất chặt hạ cây bé hơn. Sinh trực tiếp dùng máy cưa để cưa cây, còn Qu và T đứng bên cạnh để soi đèn pin, khi cây đổ Qu đã dùng máy cưa để cắt thân cây ra, cắt được 03 cục gỗ thì phát hiện bên trong lõi cây bị mục, không làm được thớt nên cả ba thống nhất chặt cây to ở bên cạnh. S cầm máy cưa cắt cây, T và Qu thì dùng dao đẽo 03 cục gỗ của cây thứ nhất thành hình dạng thớt, Qu và T cầm theo 03 cái thớt nghiến đến chỗ S. Sau khi cây đổ, S, Qu và T cùng nhau dùng cưa cắt, đẽo được 52 khúc dạng thớt. Trong đêm 17 và rạng sáng ngày 18/11/2019 cả ba cắt, đẽo được 40 cái thớt, sau đó T về nhà, Qu và S ở lại mang 40 cái thớt đi cất giấu tại khe đá ở gần đó và ngủ lại ở trong rừng. Đến tối, T mang cơm cho S và Qu cả ba lại tiếp tục cùng nhau cắt, đẽo thêm được 15 cái thớt từ cây nghiến thứ hai và đem đi giấu tại khe đá cùng với 40 cái thớt trước đó. Tổng cộng các bị cáo xẻ, đẽo được 55 cái thớt nghiến, các bị cáo thống nhất S được 19 cái, Qu được 18 cái, T được 18 cái.

Ngày 19/11/2019, S gọi điện cho Sằm Á D đặt vấn đề với D tìm người để vận chuyển thớt nghiến từ trong rừng về cho S, hai bên thỏa thuận với nhau vận chuyển thớt nghiến có đường kính 45 cm là 80.000 đồng/01 cái, đường kính 43 cm là 70.000 đồng/01 cái, đường kính 40 cm là 60.000 đồng/ 01 cái, D đã đồng ý và D đã rủ những người cùng thôn là Thào Á Kh, Thào Á B và Vàng Văn P. Sau đó S gọi điện cho T để T dẫn đường cho mấy người đi chuyển thớt. Đến tối cùng ngày 19/11/2019 D, Kh, P, B vận chuyển được 22 cái thớt nghiến nhưng chưa được trả tiền (của S 19 cái, của T 03 cái), T tự vận chuyển được 08 cái, tổng cộng vận chuyển được 30 cái ra khỏi rừng. Ngày 20/11/2019, S vận chuyển 10 cái, T vận chuyển 09 cái đến thành phố C, tỉnh C bán cho một người không quen biết, S bán được 4.000.000 đồng, T bán được 3.600.000 đồng, mỗi cái có giá 400.000 đồng. Đến ngày 21/11/2019, S tiếp tục vận chuyển 11 cái thớt nghiến (của S 09 cái, 02 cái S mua lại của T) đem đi tỉnh C bán, khi đến thôn B, xã Kh, huyện B thì bị cơ quan chức năng phát hiện, thu giữ và Giàng Văn S tự giao nộp 4.190.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 01 đèn pin; Thào Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI, số tiền 4.265.000 đồng; Giàng Văn Qu tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel.

Với hành vi trên, Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSBB ngày 27/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T về tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*, theo quy định tại khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu, Thào Văn T phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

+ Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn S 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/11/2019.

+ Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn Qu 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/11/2019.

+ Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Thào Văn T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giam (từ ngày 24/11/2019 đến ngày 20/12/2019).

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh xác định các bị cáo thuộc hộ nghèo và không có tài sản gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường gỗ đã mang đi bán là 0,155 m^3 theo kết luận định giá có giá trị là 1.581.000 đồng (mỗi bị cáo 527.000 đồng).

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, cụ thể:

* Đối với vật chứng là 02 cây gỗ nghiến (có tổng khối lượng là 23,14 m^3 đã trừ đi số gỗ mang ra khỏi rừng) bị các bị cáo chặt hạ quá trình điều tra cơ quan điều tra công an huyện B đã bàn giao cho Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia B quản lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

* Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước các tài sản sau do có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo:

- 36 (ba mươi sáu) cục gỗ, dạng thớt (có ký hiệu 01 - 25 và 01 - 11).

- 03 (ba) điện thoại di động, trong đó:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung màu đen của Giàng Văn S.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu "MI" của Thào Văn T.

+ 01 (một) điện thoại di động có bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Viettel của Giàng Văn Qu.

- 02 (hai) lam máy cưa (01 lam máy cưa nhãn hiệu STIHL DUROMMATIC E Made in Germany, kích thước dài 1 m và 01 lam máy cưa dài 95 cm), lam đã qua sử dụng.

- 02 (hai) lưỡi cưa (dạng xích) của máy cưa, lưỡi cưa đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo S và T.

- 03 (ba) cục gỗ hình tròn (dạng thớt) nghi là gỗ nghiến, trong đó có 02 (hai) cái kích thước: 40 cm x 7 cm và 01 (một) cái kích thước 38,5 x 7 cm.

- 02 (Hai) máy cưa, trong đó: 01 (một) máy cưa màu vàng, nhãn hiệu HUSQVARNA SPECIAL 365 (của Giàng Văn Qu); 01 (một) máy cưa màu vàng nhạt, nhãn hiệu STIHL MS 381 (của Thào Văn T). Máy cưa đã qua sử dụng, có nhiều vết bẩn, máy cưa không lắp lưỡi lam.

* Tịch thu tiêu hủy những đồ vật sau do không có giá trị sử dụng:

- 02 (hai) can nhựa, trong đó: 01 (một) can nhựa loại 2 lít, màu trắng; 01 (một) can nhựa loại 1 lít, màu đen, can đã qua sử dụng.

- 03 (ba) túi nilon.

- 01 (một) túi bạt.

- 01 (một) bao tải màu vàng.

- 01 (một) ba lô màu đen.

- 01 (một) đèn pin màu xanh, có dán tem chữ "MINH LONG TECHNOLOGY", có dây đeo.

- 01 (một) lam máy cưa có kích thước dài 47 cm của bị cáo Thào Văn T.

- 01 (một) thước cuộn bằng sắt, màu xanh trắng, thước đã qua sử dụng.

* Trả lại các đồ vật, tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- Trả lại cho chị Hoàng Thị X 01 (một) xe mô tô, xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 97B1-14121 xe máy đã qua sử dụng.

- Trả lại 02 (hai) lưỡi cưa dạng xích của bị cáo S và T.

* Đối với số tiền 4.190.000^{đ} *(Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)* tạm giữ của Giàng Văn S. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Số tiền 4.265.000^{đ} *(Bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* tạm giữ của Thào Văn T. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền các bị cáo và người nhà các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện B để thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự cụ thể: ngày 05/3/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn S nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03610); ngày 19/02/2020 bị cáo Thào Văn T nộp số tiền 3.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03609); ngày 19/6/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn Qu nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi

cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03620) được trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo và các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo đều nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo Thào Văn T có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo T vì bị cáo có bác ruột là Thào Văn S được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng. Hội đồng xét xử thấy rằng bác ruột của bị cáo Thào Văn T là người có công với đất nước, tuy nhiên bị cáo không phải là người đã trực tiếp sinh sống cùng ông Thào Văn S nên không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sằm Á D, Thào Á Kh, Vàng Văn P, Thào Á B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu, Thào Văn T đều khai nhận:

Vào ngày 17/11/2019 bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T

cùng thống nhất với nhau đi khai thác gỗ nghiến để xe thành thớt để mang đi bán lấy tiền tiêu sài. Các bị cáo cùng hẹn nhau vào tối 17/11/2019 sẽ đi. S, Qu và T có thống nhất với nhau là Qu và T sẽ mang máy cưa còn S chuẩn bị xăng, nhớt, dao và đèn pin. Đến tối ngày 17/11/2019, khoảng 20 giờ, S, Qu và T đi vào rừng Quốc gia B thuộc khu vực thôn N, xã C, huyện B để cưa gỗ nghiến. S, Qu và T chặt hạ được 02 cây gỗ nghiến có tổng khối lượng là 23,67 m^3. Sau khi cưa đổ 02 cây nghiến thì các bị cáo S, Qu và T xẻ thành từng khúc rồi dùng dao đẽo thành thớt. Cây gỗ nghiến thứ nhất được 03 cục thớt và cây gỗ nghiến thứ hai được 52 cục thớt. Sau khi đẽo được 55 cục thớt gỗ nghiến thì cả ba cùng thống nhất chia cho S 19 cục gỗ thớt nghiến vì S mua xăng, Qu và T mỗi người được 18 thớt nghiến. Sau đó S gọi điện cho Sằm Á D để thuê vận chuyển thớt gỗ nghiến vừa đẽo ra khỏi rừng. D đã rủ Thào Á Kh,Vàng Văn P, Thào Á B vào rừng để vận chuyển gỗ thuê cho Giàng Văn S với giá 80.000 đồng/01 thớt đường kính 45 cm, 70.000 đồng/01 thớt đường kính 43 cm và 60.000 đồng/01 thớt đường kính 40 cm. Trong 55 cái thớt gỗ nghiến thì 30 cái đã được vận chuyển ra khỏi rừng, trong đó của S là 19 cái, T 11 cái, Qu chưa vận chuyển ra được cái nào. Trong số gỗ thớt nghiến được vận chuyển ra khỏi rừng thì S và T đã mang đi bán tại thành phố C, tỉnh C được 19 cái có tổng khối lượng là 0,155 m^3 (trong đó S bán được 10 cái với giá 4.000.000 đồng, T bán được 9 cái với giá 3.600.000 đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên 15 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 10 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;...".

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Do đó việc xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Các bị cáo nhận thức được hành vi tự ý khai thác gỗ nghiến là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã khai thác 02 cây gỗ nghiến (thuộc nhóm IIA) trái quy định với tổng khối lượng là 23,67 m^3 trị giá là 231.380.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự để truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong vụ án này có ba bị cáo cùng tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, tổ chức từ trước, vì vậy vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau, khi xem xét trách nhiệm hình sự căn cứ vào nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[3] Về tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo chưa có tiền án; tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều *"Thành khẩn khai báo"* về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã nộp tiền tại cơ quan thi hành án để thực hiện việc bồi thường thiệt hại, cụ thể: ngày 05/3/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn S nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03610); ngày 19/02/2020 bị cáo Thào Văn T nộp số tiền 3.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03609); ngày

19/6/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn Qu nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03620). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Xét nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nơi có trình độ dân trí thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, mục đích đi khai thác gỗ nghiến cũng để mưu sinh cuộc sống của bản thân và gia đình; xét về mức độ, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để áp dụng cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Cơ quan Điều tra công an huyện B đã tiến hành xác minh thể hiện các bị cáo thuộc hộ nghèo và không có tài sản nên không cần thiết phải có hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra nguyên đơn dân sự đã yêu cầu các bị cáo phải bồi thường như sau:

+ Yêu cầu bị cáo Giàng Văn S phải bồi thường thiệt hại là 4.000.000 đồng.

+ Yêu cầu bị cáo Thào Văn T phải bồi thường thiệt hại là 3.600.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là:1.581.000 đồng là giá trị số gỗ nghiến mà các bị cáo đã bán. Các bị cáo đã đồng ý liên đới bồi thường số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

* Đối với vật chứng là 02 cây gỗ nghiến (có tổng khối lượng là 23,14 m^3 đã trừ đi số gỗ mang ra khỏi rừng) bị các bị cáo chặt hạ quá trình điều tra cơ quan điều tra công an huyện B đã bàn giao cho Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia B quản lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

* Đối với các tài sản sau do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước, gồm:

- 36 (ba mươi sáu) cục gỗ, dạng thớt (có ký hiệu 01 - 25 và 01 - 11).

- 03 (ba) điện thoại di động, trong đó:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung màu đen của Giàng Văn S.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu "MI" của Thào Văn T.

+ 01 (một) điện thoại di động có bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Viettel của Giàng Văn Qu.

- 02 (hai) lam máy cưa (01 lam máy cưa nhãn hiệu STIHL DUROMMATIC E Made in Germany, kích thước dài 1 m và 01 lam máy cưa dài 95 cm), lam đã qua sử dụng.

- 02 (hai) lưỡi cưa (dạng xích) của máy cưa, lưỡi cưa đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo S và T.

- 03 (ba) cục gỗ hình tròn (dạng thớt) nghi là gỗ nghiến, trong đó có 02 (hai) cái kích thước: 40 cm x 7 cm và 01 (một) cái kích thước 38,5 x 7 cm.

- 02 (Hai) máy cưa, trong đó: 01 (một) máy cưa màu vàng, nhãn hiệu HUSQVARNA SPECIAL 365 (của Giàng Văn Qu); 01 (một) máy cưa màu vàng nhạt, nhãn hiệu STIHL MS 381 (của Thào Văn T). Máy cưa đã qua sử dụng, có nhiều vết bẩn, máy cưa không lắp lưỡi lam.

* Đối với những đồ vật sau do không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) can nhựa, trong đó: 01 (một) can nhựa loại 2 lít, màu trắng; 01 (một) can nhựa loại 1 lít, màu đen, can đã qua sử dụng.

- 03 (ba) túi nilon.

- 01 (một) túi bạt.

- 01 (một) bao tải màu vàng.

- 01 (một) ba lô màu đen.

- 01 (một) đèn pin màu xanh, có dán tem chữ "MINH LONG TECHNOLOGY", có dây đeo.

- 01 (một) lam máy cưa có kích thước dài 47 cm của bị cáo Thào Văn Tu.

- 01 (một) thước cuộn bằng sắt, màu xanh trắng, thước đã qua sử dụng.

* Trả lại các đồ vật, tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- Đối với 01 (một) xe mô tô, xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 97B1-14121 xe máy đã qua sử dụng mà bị cáo S dùng để vận chuyển gỗ nghiến. Tại phiên tòa chị X khai số tiền mua xe là tiền mẹ đẻ chị X cho riêng chị trước khi kết hôn, chị X đề nghị trả lại cho chị X. Xét thấy chiếc xe này là tài sản riêng của chị Hoàng Thị X, việc bị cáo S dùng chiếc xe này đi vận chuyển gỗ chị X không biết, nên trả lại chiếc xe cho chị Hoàng Thị X là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trả lại 02 (hai) lưỡi cưa dạng xích của bị cáo S và T.

* Đối với số tiền 4.190.000^{đ} *(Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)* tạm giữ của Giàng Văn S. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Số tiền 4.265.000^{đ} *(Bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* tạm giữ của Thào Văn T. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền các bị cáo và người nhà các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện B để thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự cụ thể: ngày 05/3/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn S nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03610); ngày 19/02/2020 bị cáo Thào Văn T nộp số tiền 3.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03609); ngày 19/6/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn Qu nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03620) được trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/4/2020 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

[6] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này, có các đối tượng Sầm Á D, Thào Á Kh,Vàng Văn P, Thào Á B là người được thuê để vận chuyển gỗ nghiến ra khỏi rừng. Tuy nhiên, khối lượng gỗ vận chuyển chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra đã chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Đối tượng mua gỗ nghiến của bị cáo S và bị cáo T không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Thào Văn S là em ruột của bị cáo T, quá trình điều tra đã tự giao nộp cho cơ quan công an 01 máy cưa, 01 lam, 01 lưỡi cưa do T để tại nhà S, S không biết đây là công cụ mà bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý. Đối với hành vi tàng trữ 03 khúc gỗ có tổng khối lượng là 0, 0257 m^3 của bị cáo S,

xét thấy việc tàng trữ số gỗ này của bị cáo không đủ định lượng nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Tuyên bố: Các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

- Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Giàng Văn S 24 *(Hai mươi tư)* tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 24/11/2019).

- Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Giàng Văn Qu 24 *(Hai mươi tư)* tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 24/11/2019).

- Áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thào Văn T 24 *(Hai mươi tư)* tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/11/2019 đến ngày 20/12/2019).

2 - Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền là 1.581.000^{đ} *(Một triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng)*, (tức là mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 527.000^{đ} *(Năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng))*.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* Đối với vật chứng là 02 cây gỗ nghiến (có tổng khối lượng là 23,14 m^3 đã trừ đi số gỗ mang ra khỏi rừng) bị các bị cáo chặt hạ quá trình điều tra cơ quan

điều tra huyện B đã bàn giao cho Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia B quản lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

* Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước các tài sản sau do có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo:

- 36 (ba mươi sáu) cục gỗ, dạng thớt (có ký hiệu 01 - 25 và 01 - 11).

- 03 (ba) điện thoại di động, trong đó:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung màu đen của Giàng Văn S.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu "MI" của Thào Văn T.

+ 01 (một) điện thoại di động có bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Viettel của Giàng Văn Qu.

- 02 (hai) lam máy cưa (01 lam máy cưa nhãn hiệu STIHL DUROMMATIC E Made in Germany, kích thước dài 1 m và 01 lam máy cưa dài 95 cm), lam đã qua sử dụng.

- 02 (hai) lưỡi cưa (dạng xích) của máy cưa, lưỡi cưa đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo S và T.

- 03 (ba) cục gỗ hình tròn (dạng thớt) nghi là gỗ nghiến, trong đó có 02 (hai) cái kích thước: 40 cm x 7 cm và 01 (một) cái kích thước 38,5 x 7 cm.

- 02 (Hai) máy cưa, trong đó: 01 (một) máy cưa màu vàng, nhãn hiệu HUSQVARNA SPECIAL 365 (của Giàng Văn Qu); 01 (một) máy cưa màu vàng nhạt, nhãn hiệu STIHL MS 381 (của Thào Văn T). Máy cưa đã qua sử dụng, có nhiều vết bẩn, máy cưa không lắp lưỡi lam.

* Tịch thu tiêu hủy những đồ vật sau do không có giá trị sử dụng:

- 02 (hai) can nhựa, trong đó: 01 (một) can nhựa loại 2 lít, màu trắng; 01 (một) can nhựa loại 1 lít, màu đen, can đã qua sử dụng.

- 03 (ba) túi nilon.

- 01 (một) túi bạt.

- 01 (một) bao tải màu vàng.

- 01 (một) ba lô màu đen.

- 01 (một) đèn pin màu xanh, có dán tem chữ "MINH LONG TECHNOLOGY", có dây đeo.

- 01 (một) lam máy cưa có kích thước dài 47 cm của bị cáo Thào Văn T.

- 01 (một) thước cuộn bằng sắt, màu xanh trắng, thước đã qua sử dụng.

* Trả lại các đồ vật, tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- Trả lại cho chị Hoàng Thị X 01 (một) xe mô tô, xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 97B1-14121 xe máy đã qua sử dụng.

- Trả lại 02 (hai) lưỡi cưa dạng xích của bị cáo S và T.

* Đối với số tiền 4.190.000đ *(Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)* tạm giữ của Giàng Văn S. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Số tiền 4.265.000đ *(Bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* tạm giữ của Thào Văn T. Xét thấy số tiền này do bị cáo làm thuê mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền các bị cáo và người nhà các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện B để thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự cụ thể: ngày 05/3/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn S nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03610); ngày 19/02/2020 bị cáo Thào Văn T nộp số tiền 3.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03609); ngày 19/6/2020 người nhà bị cáo Giàng Văn Qu nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B (Biên lai thu tiền số: 03620) được trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/4/2020 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

4 - Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng Văn S, Giàng Văn Qu và Thào Văn T.

5 - Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị X, Thào Văn S, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Sằm Á D, Thào Á Kh, Vàng Văn P, Thào Á B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện B (2);
- Các Bị cáo; (1)
- Nguyên đơn dân sự; (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Người bào chữa; (1)
- Chi cục THADS huyện B;(1)
- Công an huyện B;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn